TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37** /2026/ HNGĐ - ST
Ngày 22 tháng 7 năm 2026
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 -NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh
+ Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi
Bà Phạm Thị Phương
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2026/TLST – HNGĐ ngày 11/03/2026 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/06/2026; Quyết định hoãn phiên toà số 20/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/07/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1992; Căn cước công dân số: 0371920016xx; địa chỉ đăng ký thường trú: xóm A, xã B, tỉnh Ninh Bình. Hiện cư trú: xóm G Cồn Thoi, xã B, tỉnh Ninh Bình (nay là thôn C).

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn L, sinh năm 1990; Căn cước công dân số: 0370900114xx; địa chỉ: xóm A, xã B, tỉnh Ninh Bình (nay là thôn K 13).

Tại phiên tòa vắng mặt chị X - chị X có đơn xin xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:*

Chị và anh Vũ Văn L kết hôn tự nguyện, có đăng ký UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình cũ ngày 14/10/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình anh L tại xóm A K, xã B, tỉnh Ninh Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng thời gian rồi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, xúc phạm nhau. Hai bên gia đình khuyên giải rất nhiều lần nhưng không thay đổi được tình trạng hôn nhân. Chị và anh L đã ly thân từ giữa năm 2025, trong thời gian ly thân thì vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn

với anh L.

Về con: Chị và anh L chỉ có ba con chung là cháu Vũ Thị Anh T, sinh ngày 11/09/2012, cháu Vũ Thị Bảo T1, sinh ngày 14/4/2014 và cháu Vũ Kiều O, sinh ngày 27/01/2017. Hiện ba cháu đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu cả ba cháu cho đến khi thành niên và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi cháu 2 triệu đồng/ một tháng cho đến khi các con chung thành niên.

Về con riêng: Chị và anh L không có con riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Về phía bị đơn anh Vũ Văn L:* Anh L có đăng ký thường trú tại xóm A K, xã B, tỉnh Ninh Bình nhưng thường xuyên đi làm ăn xa nhà, đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của BLTTDS và các văn bản tố tụng khác thông qua bố đẻ anh L nhưng anh L không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị X, không tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa xét xử vụ án lần thứ nhất ngày 03/7/2026, anh L vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/QĐST-HNGĐ và ấn định thời gian xét xử vụ án vào ngày 22/7/2026. Tại phiên tòa hôm nay anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do; chị X có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Các con chung của của chị Nguyễn Thị X và anh Vũ Văn L là các cháu Vũ Thị Anh T, sinh ngày 11/09/2012; Vũ Thị Bảo T1, sinh ngày 14/4/2014 và Vũ Kiều O, sinh ngày 27/01/2017 khi được hỏi ý kiến đều có nguyện vọng xin được ở với chị X.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tố tụng:*

Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự: xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời gian.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ, chấp hành đúng qui định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng qui định của pháp luật về tố tụng dân sự.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án:* Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X. Xử chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Vũ Văn L.
- Về con chung: Giao cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là Vũ Thị Anh T, sinh ngày 11/09/2012; Vũ Thị Bảo T1, sinh ngày 14/4/2014 và Vũ Kiều O, sinh ngày 27/01/2017; anh L cấp dưỡng nuôi con cho chị X mỗi cháu 2 triệu đồng/ một tháng cho đến khi các con chung thành niên.
- Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không đề nghị nên không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp

luật. Anh Vũ Văn L phải nộp án phí tiền cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu của đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị X yêu cầu giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn anh Vũ Văn L có địa chỉ đăng ký thường trú và cư trú tại xóm A K, xã B, tỉnh Ninh Bình (nay là thôn K 13). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử anh Vũ Văn L là bị đơn đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh L không đến Tòa án để làm việc và trình bày quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án là vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị X và bị đơn anh Vũ Văn L. Chị X có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị X và anh Vũ Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 14/10/2021 tại UBND xã C, huyện H, tỉnh Ninh Bình (Nay là UBND xã B, tỉnh Ninh Bình). Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống chị X và anh L sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị X thì nguyên nhân chính do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, xúc phạm nhau. Hai bên gia đình khuyên giải rất nhiều lần nhưng không thay đổi được tình trạng hôn nhân. Chị và anh L đã ly thân từ giữa năm 2025, trong thời gian ly thân thì anh chị không ai quan tâm đến nhau.

Về phía anh L đã nhận được thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác nhưng không có ý kiến, quan điểm về yêu cầu giải quyết việc ly hôn đối với anh mà chị X đưa ra đưa ra; không tham gia hòa giải do Tòa án thực hiện có ý bỏ mặc tình trạng hôn nhân.

Tại biên bản sự việc ngày 20/04/2026 ông Vũ Văn T2, bố anh L xác nhận anh L đã nhận được thông báo thụ lý của Tòa án, biết được việc chị X có yêu cầu xin ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh, nhưng do anh L đi làm xa thỉnh thoảng mới về chỉ về được một lần nên anh không ra Tòa án làm việc được. Giữa anh L và chị X có xảy ra mâu thuẫn hay không ông bà không biết, chỉ biết giữa năm 2025 chị X đưa con về nhà mẹ đẻ ở, sau đó tháng 8/2025 chuyển các con về Cồn Thoi học, từ đó đến nay không về nhà.

Tại biên bản xác minh ngày 13/5/2026, đại diện chính quyền địa phương cung

cấp: anh L và chị X kết hôn hợp pháp và về sinh sống cùng nhà bố mẹ anh L tại xóm A K, thời gian chung sống tại đây, địa phương không nhận được bất kỳ báo cáo hay đơn thư gì về mâu thẫn của anh chị, qua theo dõi thì chị X đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xóm G C từ giữa năm 2025, còn anh L đi làm xa thỉnh thoảng mới về.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định chị X và anh L có có mâu thuẫn, bất đồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, xúc phạm danh dự, nhân phẩm nhau và từ đó mất niềm tin về nhau. Mâu thuẫn kéo dài không khắc phục được nên vợ chồng đã sống ly thân một năm nay. Anh L đã được Tòa án nhiều lần triệu tập để lấy ý kiến và tham gia hòa giải nhưng anh L không có ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không tham gia hòa giải với chị X, chứng tỏ anh L không muốn duy trì quan hệ hôn nhân với chị X.

Nhận thấy vợ chồng chị X và anh L không còn tình nghĩa vợ chồng, xúc phạm nhau, làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm nhau, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X cần chấp nhận, cho chị X được ly hôn với anh Vũ Văn L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, con riêng:

Chị Nguyễn Thị X và anh Vũ Văn L có ba con chung là Vũ Thị Anh T, sinh ngày 11/09/2012; Vũ Thị Bảo T1, sinh ngày 14/4/2014 và Vũ Kiều O, sinh ngày 27/01/2017. Hiện ba cháu đang do chị X nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị X có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả ba con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị mỗi cháu 2 triệu đồng/ một tháng cho đến khi các con chung thành niên.

Tòa án đã yêu cầu cả anh L và chị X cung cấp chứng cứ chứng minh về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung nhưng cả anh L và chị X không cung cấp được. Tại biên bản xác minh ngày 13/5/2026 UBND xã B cung cấp: hiện anh L và chị X làm nghề tự do không xác định cụ thể thu nhập của anh chị. Về điều kiện sống: Vợ chồng anh chị có nhà đất độc lập tại xóm A K. Khi ly thân chị X về ở chung cùng bố mẹ đẻ tại xóm G C nhà cửa cũng rộng sinh hoạt đảm bảo.

Như vậy về điều kiện sinh sống hiện nay của anh L tốt hơn so với chị X, do đang ở nhà riêng, tuy nhiên anh L đi làm ăn xa, ít khi về nhà, thời gian chăm sóc con chung không có; các con chung của anh chị là con gái đang độ tuổi dậy thì rất cần sự quan tâm của mẹ; trong khi chị X hiện đang lao động tự do tại địa phương. Do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định và phát triển bình thường của các cháu, hạn chế thấp nhất đến việc xáo trộn về tâm sinh lý của các cháu khi bố mẹ ly hôn và nguyện vọng của các con chung muốn được ở với mẹ thì việc giao cả ba con chung cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh L có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị X là phù hợp và đảm bảo được nguyện vọng và quyền lợi của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Nguyễn Thị X và anh Vũ Văn L và các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị X và anh L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến

việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về con riêng: Chị Nguyễn Thị X và anh Vũ Văn L không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Về phía chị X có yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi 03 con chung là các cháu Vũ Thị Anh T, cháu Vũ Thị Bảo T1 và cháu Vũ Kiều O cho chị mỗi cháu 2 triệu đồng/ một tháng cho đến khi các con chung thành niên. Tại biên bản xác minh ngày 13/5/2026 UBND xã B cung cấp: Thu nhập trung bình đầu người của xã năm 2025 là 70 triệu/ năm tương đương 5.830.000 đồng/tháng, người trong độ tuổi lao động có thu nhập cao hơn mức này. Do chị X không cung cấp được thu nhập thực tế của chị và anh L không cung cấp mức thu nhập của mình do đó căn cứ quy định thì mức lương tối thiểu vùng áp dụng cho xã B, tỉnh Ninh Bình là 3.700.000đ/ tháng thì yêu cầu của chị X là có căn cứ cần buộc anh L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị X mỗi cháu 2 triệu đồng/tháng cho đến khi các con chung thành niên là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị X và anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị X phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật và anh Vũ Văn L phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X về việc xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Vũ Văn L.

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Vũ Văn L

3. Về con chung, con riêng:

- Về con chung: Giao các con chung là Vũ Thị Anh T, sinh ngày 11/09/2012; Vũ Thị Bảo T1, sinh ngày 14/4/2014 và Vũ Kiều O, sinh ngày 27/01/2017 cho chị

Nguyễn Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn đến khi con thành niên.

Về cấp dưỡng: Anh Vũ Văn L có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 03 con chung cho chị X, mỗi con là 1.850.000 đồng/ 1 tháng (Cụ thể: Vũ Thị Anh T 1.850.000 đồng; con Vũ Thị Bảo T1 1.850.000 đồng; Vũ Kiều O 1.850.000 đồng) kể từ tháng 8/2026 cho đến khi con chung thành niên tự lập.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, muôi dưỡng, giáo dục con; cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, muôi dưỡng, giáo dục con.

- Về con riêng: Chị Nguyễn Thị X và anh Vũ Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Vũ Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001052 ngày 09/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Anh Vũ Văn L phải nộp án phí tiền cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm là 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm chị C Nguyễn Thị X và anh Vũ Văn L vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND khu vực 4 – Ninh Bình;*
- *Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thế Anh